

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý 4 Năm 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: Việt Nam đồng

TT	TÀI SẢN	Đầu năm	Cuối quý
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	59,149,745,157	73,987,022,917
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	28,592,648,298	20,285,102,244
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	15,788,080,000.00
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	22,903,415,185	18,732,364,466
4	Hàng tồn kho	3,646,204,663	19,175,988,707
5	Tài sản ngắn hạn khác	4,007,477,011	5,487,500
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	72,466,143,862	79,694,028,949
1	Các khoản phải thu dài hạn	708,702,812	109,500,000
2	Tài sản cố định	65,993,860,141	57,043,802,312
	- Tài sản cố định hữu hình	19,485,282,987	57,039,205,875
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Tài sản cố định vô hình	11,466,666	2,933,330
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	46,497,110,488	1,663,107
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4,622,922,400	4,622,922,400
5	Tài sản dài hạn khác	1,140,658,509	17,917,804,237
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	131,615,889,019	153,681,051,866
	NGUỒN VỐN	Đầu năm	Cuối quý
IV	NỢ PHẢI TRẢ	7,619,412,193	31,532,090,927
1	Nợ ngắn hạn	7,404,126,850	20,564,350,478
2	Nợ dài hạn	215,285,343	10,967,740,449
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	123,996,476,826	122,148,960,939
1	Vốn chủ sở hữu	123,024,300,571	121,695,217,230
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82,618,200,000	82,618,200,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	19,391,000,000	19,391,000,000
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		1,744,619,070
	- Quỹ đầu tư phát triển	3,266,539,790	11,634,060,542
	- Quỹ dự phòng tài chính	3,476,780,618	6,307,337,618



	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.271.780.163	0
	- Nguồn vốn đầu tư XD cơ bản		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	972.176.255	453.743.709
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	972.176.255	453.743.709
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	131.615.889.019	153.681.051.866

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	Quý 4/2009	Lũy kế từ đầu năm
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.716.992.990	101.943.045.648
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	4.682.361.377	14.641.237.931
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.034.631.613	87.301.807.717
4	Giá vốn hàng bán	17.274.637.361	51.640.568.450
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.759.994.252	35.661.239.267
6	Doanh thu hoạt động tài chính	4.136.475.633	10.728.561.135
7	Chi phí tài chính	0	16.066.835
8	Chi phí bán hàng	4.942.218.530	13.526.201.753
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.535.118.874	5.487.422.036
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.419.132.481	27.360.109.778
11	Thu nhập khác	199.233.387	283.151.565
12	Chi phí khác	157.976.788	176.266.663
13	Lợi nhuận khác	41.256.599	106.884.902
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.460.389.080	27.466.994.680
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.282.884.752	4.104.005.787
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.177.504.328	23.362.988.893
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	869	2.828

LẬP BIỂU

Huỳnh Ngọc Bích

Huỳnh Ngọc Bích

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Anh Vũ

Lê Anh Vũ

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2010

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



Ngô Văn Công